

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HC-PT

Ngày 26 - 01 - 2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 357/2020/TLPT-HC ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2018/HC-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3943/2020/QĐ-PT ngày 26/10/2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Cao Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: 24 đường C, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Võ Hồng T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An, văn bản ủy quyền số 4126 ngày 7/12/2020 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Hồng L – Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố T (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: Tòa nhà Plaschem, số 562 đường N, phường G, quận L, Thà phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần H:

1. Ông Đặng Hoàng D (có mặt).

Địa chỉ: 112A-A3 V, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Bùi Tô Đ - Chức vụ Giám đốc Nhà máy Sản xuất B (có mặt).

Địa chỉ: Đường số 6, Cụm công nghiệp L, xã L, thành phố T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 19/4/2019 của Giám đốc Công ty cổ phần H).

- **Người được Tòa án triệu tập:** Chi cục thuế Khu vực T – Thủ Thừa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B – Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế Khu vực T – Thủ Thừa (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An (người bị kiện) và Công ty Cổ phần H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Cao Thanh T trình bày:

Năm 2016, UBND tỉnh Long An phê duyệt chủ trương cho Công ty Cổ phần H (Công ty H) làm chủ đầu tư Cụm công nghiệp tại xã L, thành phố T. Ngày 29/12/2017, UBND thành phố T ra các quyết định 4357/QĐ-UBND, 4358/QĐ-UBND, 4359/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông T. Cùng ngày 29/12/2017, UBND thành phố T ban hành quyết định 4541/QĐ-UBND phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông T số tiền 3.302.760.000 đồng. Không đồng ý với quyết định bồi thường, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND thành phố T.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày: UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định 4357/QĐ-UBND, 4358/QĐ-UBND, 4359/QĐ-UBND cùng ngày 29/12/2017, về việc thu hồi đất của ông T. Ngày 29/12/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định 4541/QĐ-UBND phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông T số tiền 3.302.760.000 đồng. Ông T đã nhận tiền và cam kết giao mặt bằng đúng quy định. Do đất của ông T là các thửa 1008, 1009 và 320 được xác định là đất ở giáp với sông, kênh nên giá đất bồi thường thực hiện tại phần III Quyết định 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Long An. UBND thành phố T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty Cổ phần H trình bày: UBND thành phố T xác định vị trí đất và giá đất bồi thường cho ông T là đúng. Vì vậy, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2018/HC- ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh T.

Hủy Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND thành phố T về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Cao Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 và ngày 23/11/2018, Công ty H và Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo cùng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh T.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 266/2019/HC-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 241; Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An và kháng cáo của Công ty Cổ phần H.

2. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2018/HC-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh T.

4. Hủy Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Cao Thanh T. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc ban hành quyết định về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Cao Thanh T đối với diện tích đất đã bị thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 5/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272, Điều 274 Luật tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2020/KN-HC ngày 07/01/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 266/2019/HC-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 266/2019/HC-PT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án cho của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, UBND thành phố T và Công ty H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện ủy quyền của Công ty H trình bày: Ông T đã nhận tiền bồi thường do UBND thành phố T chi trả, đồng thời cam kết giao mặt bằng, không khiếu nại nên ông T không có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 4541/QĐ-UBND của UBND thành phố T.

Về nội dung, đất của ông T không có lối vào do 03 mặt giáp thửa đất của các hộ khác, chỉ có một mặt giáp bờ kênh công cộng (theo biên bản thẩm định tại chỗ thì chiều rộng của bờ kênh là 03m) nhưng bờ kênh không phải là đường giao thông nông thôn vì không đủ điều kiện theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam số 10380:2014 về đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế. Thực tế, bờ kênh cũng không sử dụng làm lối đi. Con kênh cũng không phải là đường giao thông thủy do không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đường thủy nội địa theo tiêu chuẩn Việt Nam số 56664/2009. Nếu là đường giao thông thủy thì giá bồi thường cũng chỉ 250.000 đồng/m². Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T trình bày: Khi ông T trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa 1008, 1009 và 320 thì giá để tính thuế và lệ phí trước bạ là vị trí 4. Bờ kênh giáp đất ông T là bờ kênh công cộng do nhà nước quản lý nhưng chỉ phục vụ mục đích thủy lợi, không phải là đường giao thông. Đất của ông T có 3 mặt giáp các thửa đất khác, chỉ có 1 mặt giáp bờ kênh nhưng bờ kênh không sử dụng làm lối đi vào nhà ông T. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 4541/QĐ-UBND là đúng pháp luật, ông T nhận tiền và cam kết không khiếu nại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T xác định các thửa 1008, 1009 và 320 là đất ở, trong đó có thửa 320 giáp bờ kênh Rạch Đào. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện kênh Rạch Đào không phải là đường giao thông thủy; bờ kênh Rạch Đào là do Nhà nước nạo vét móng đất đắp lên. Ranh giới đất vẫn do các hộ dân quản lý sử dụng. Một số hộ dân có đất ven Rạch Đào trồng cây tạp lâu năm, dừa nước mọc lên và các hộ xây dựng nhà ở, chuồng trại để chăn nuôi, không phải là lối đi công cộng, không phục vụ việc đi lại của người dân trong khu vực và không kết nối với các cơ sở hạ tầng giao thông khác. Do đó căn cứ Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Long An thì đất của ông T được xác định là vị trí 4 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố T và Công ty cổ phần H, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của UBND thành phố T và Công ty H đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 29/12/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định 4541/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ của ông T. Ngày 24/7/2018, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Ngày 17/5/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm và ra Bản án hành chính phúc thẩm số 266/2019/HC-ST. Tuy nhiên ngày 5/3/2020 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 266/2019/HC-PT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, với nhận định bản án hành chính phúc thẩm xác định thửa đất của ông Cao Thanh T bị thu hồi có vị trí 1 là không có căn cứ. Do đó vụ án được xét xử phúc thẩm lần 2 theo quy định tại Điều 203 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét Quyết định số 4541/QĐ-UBND:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành:

Căn cứ các Quyết định 4357/QĐ-UBND, 4358/QĐ-UBND, 4359/QĐ-UBND cùng ngày 29/12/2017 của UBND thành phố T về việc thu hồi các thửa đất số 1008, 1009, 320 thuộc quyền sử dụng của ông T, ngày 29/12/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định 4541/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho ông T là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành theo Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung quyết định hành chính:

[2.2.1] Ngày 18/7/2016, ông T được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (giấy chứng nhận) số CD 770896, CD 770896 và CD 770896 đối với diện tích tương ứng là 1.500m² (thửa 1008), 2.659m² (thửa 1009) và 1.500m² (thửa 320), cùng tờ bản đồ số 05, tại xã L, thành phố T. Các thửa số 1009, 320, 1008 là loại đất ở nông thôn, nằm liền kề nhau. Tại các giấy chứng nhận nêu trên và Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/8/2011 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T xác nhận ngày 23/8/2011 đều thể hiện thửa đất số 320, có hướng Đông giáp Bờ sông Rạch Đào (đất) 06m. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2018 xác định Bờ kênh rộng khoảng 03m, có chiều cao hơn mặt đất thửa 320 khoảng 30cm.

[2.2.2] Ông T cho rằng 03 thửa đất mà ông bị thu hồi là đất ở vị trí 1 vì có thửa 320 có hướng Đông giáp Bờ sông Rạch Đào là đường giao thông thủy và được đại diện chính quyền địa phương (ông Phan Tấn Nhân – Phó Chủ tịch UBND xã L) xác nhận: Kênh rạch Đào trước đây có sử dụng làm đường giao thông thủy. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố T cho rằng mặc dù thửa đất số 320 của hộ ông T nằm T giáp với kênh Rạch Đào nhưng không phải là lối đi lại của người dân nên không phải là đường giao thông thủy theo quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thì:

Vị trí các thửa đất ở được tính theo đường giao thông thủy, bộ cụ thể như sau:

+ Đường thủy gồm: Sông; Kênh được quy định cụ thể cho từng huyện, thị xã, thành phố.

+ Đường bộ gồm: Quốc lộ; Đường tỉnh; Đường huyện; các đường có tên bằng chữ hoặc bằng số; các đường chưa có tên và các đường còn lại có độ rộng nền đường lớn hơn hoặc bằng 3m.

+ Vị trí 1: Thửa đất ở có vị trí T giáp đường giao thông thủy, bộ hoặc thửa đất ở không có vị trí T giáp đường giao thông thủy, bộ nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí T giáp đường giao thông thủy, bộ. Trong phạm vi 50m đầu ven đường giao thông thủy, bộ, thì được áp dụng theo giá đất tại phần I, II – Bảng giá đất ở (hệ số 100%).

+ Vị trí 2: Thửa đất ở không có vị trí T giáp đường giao thông thủy, bộ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí T giáp đường giao thông thủy, bộ. Trong phạm vi 50m đầu ven đường giao thông thủy, bộ (hệ số giá 70% so với vị trí 1).

+ Vị trí 3: Thửa đất ở trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100 đối với Quốc lộ hoặc Đường tỉnh (hệ số 30% so với vị trí 1).

+ Vị trí 4: Các thửa đất ở còn lại trong địa giới hành chính huyện, thị xã, thành phố không thuộc các quy định trên thì được áp dụng giá đất tại phần III của phụ lục II – Bảng giá đất ở (theo mức giá tối thiểu).

+ Đường giao thông là tên gọi chung, bao gồm: Quốc lộ; Đường tỉnh; Đường huyện; các đường có tên bằng chữ hoặc bằng số; các đường chưa có tên; lối đi công cộng; hẻm; bờ kênh công cộng.

[2.3] Xét kháng cáo của UBND thành phố T và Công ty cổ phần H, thấy rằng:

Tại Biên bản xác minh hiện trạng quyền sử dụng đất của hộ ông T ngày 17/8/2018; Mảnh trích đo địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An lập ngày 12/5/2017; Biên bản về việc xác minh hiện trạng quyền sử dụng đất hộ ông T ngày 17/10/2018; Biên bản về việc lấy ý kiến xác minh và khảo sát các hộ dân tại vị trí ven Rạch Đào tại ấp Bình Lợi A, xã L ngày 16/11/2018 và Biên bản về việc khảo sát thực tế xác minh và ghi nhận hiện trạng sử dụng đất của các hộ có tại vị trí đất ven Rạch Đào trên địa bàn xã L ngày 17/11/2018, thể hiện: Các thửa đất 1008, 1009, 320 nằm T giáp nhau. Phía Tây giáp thửa 321, 390, 391, 392. Phía Nam giáp thửa 392. Phía Bắc giáp thửa 1225. Phía Đông giáp kênh Rạch Đào. Từ trước đến nay đất của các hộ T giáp Rạch Đào không có bờ, bờ đất là do Nhà nước nạo vét móc đất đắp lên ranh giới đất vẫn do các hộ dân quản lý sử dụng theo quy định. Một số hộ dân có đất ven Rạch Đào trồng cây tạp lâu năm, dựa

nước mọc lên và các hộ xây dựng nhà ở, chuồng trại để chăn nuôi, không phải là lỗi đi công cộng, không phục vụ việc đi lại của người dân trong khu vực và không kết nối với các cơ sở hạ tầng giao thông khác. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/5/2019 ông T thừa nhận khi kê khai các thửa đất ở để tính thuế và lệ phí trước bạ là kê khai vị trí 4 với đơn giá 250.000 đồng/m². Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay (26/01/2021) ông Cao Thanh T giải thích việc kê khai là dựa trên cơ sở giá khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy vậy điều đó vẫn chứng tỏ ông Cao Thanh T biết vị trí các thửa đất của ông là thuộc vị trí 4. Đồng thời tại Công văn số 324/CCT-TTBTBK ngày 25/12/2020 của Chi cục thuế khu vực T – Thủ Thừa, tỉnh Long An “V/v trả lời xác minh thông tin thuế và lệ phí trước bạ đối với các thửa đất” gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

“Căn cứ vào hồ sơ phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2627 ngày 06/7/2016 của ông Cao Thanh T do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T chuyển đến. Thửa đất 1008, 10009, 320 tờ bản đồ số 5 T giáp Bờ rạch Đào rộng 3m đất.

Căn cứ Quyết định 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Long An.

Chi cục Thuế khu vực T – Thủ Thừa xác định vị trí T giáp là vị trí 4 tương đương với đơn giá 250.000 đồng/m²”.

[2.4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp đơn khởi kiện của ông T, hủy Quyết định 4541/QĐ-UBND là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố T và Công ty cổ phần H, sửa bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND thành phố T và Công ty cổ phần H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[2.5] Án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được sửa lại cho phù hợp, theo đó UBND thành phố T không phải chịu án phí; ông Cao Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[2.6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND thành phố T và Công ty cổ phần H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điểm b Khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An và kháng cáo của Công ty cổ phần H.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2018/HC- ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh T.

4. Giữ nguyên Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Cao Thanh T.

5. Chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng và đã nộp xong.

6. Về án phí:

6.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Ông Cao Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001495 ngày 31/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

6.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An và Công ty Cổ phần H không phải chịu. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000182 ngày 23/11/2018 và số 0000183 ngày 26/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An cho Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An (300.000 đồng) và Công ty cổ phần H (300.000 đồng).

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự (3);
- Lưu: VP (3), HS (2) 15b (án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thành Long